

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 27

4. *Nhiếp tụng thứ tư (tt) Nói về Đại đực:*

Khi thấy Phật hiện đại thân thông hàng phục các ngoại đạo khiến cho họ phải bỏ đi tứ tán, đến ở nơi biên phương; các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: “Thế tôn dùng thân thông lực, đốt đuốc chánh pháp, phá cờ vọng kiến, hàng phục tà đạo thật là hi hữu. Lành thay bậc Đại thánh đã làm một việc khó nghĩ bàn, có thể làm lợi ích lớn như vậy”, Phật nói: “các thầy nên biết, nay ta đã lia ba độc, đầy đủ Nhất-thiết-trí, được đại oai lực, đến bờ giải thoát, chứng quả Vô thượng, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, nên hàng phục được họ không phải là điều hi hữu. Vì sao, vì ta nhớ lại đời quá khứ, lúc đó ta chưa lia dục nhiễm, sân hận và ngu si, sanh lão bệnh tử và ưu bi khổ não, đầy đủ triền phược mà ta còn có thể hàng phục được Lục sư và các quyến thuộc, đó mới là điều hi hữu. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại nước Tỳ-đề-ê có vua hiệu là Thiện sanh dùng chánh pháp trị nước..., phu nhân của vua dung mạo rất đoan nghiêm nên được vua sủng ái. Phu nhân sanh được một hoàng tử, nhờ phước lực của hoàng tử này mà trong nước được mưa thuận gió hòa, ngũ cốc được mùa nên thức ăn uống dễ được. Sau hai mươi mốt ngày, vua mở tiệc ăn mừng để đặt tên cho hoàng tử, vua suy nghĩ: “khi con ta sanh ra, trong nước được mùa, thức ăn uống dễ được, nên đặt tên cho con là Túc ẩm thực”, sau đó vua giao hoàng tử cho tám bà nữ mâu nuôi dưỡng. Đến tuổi trưởng thành, hoàng tử học thông các kỹ nghệ, dưng kiện trung lương không ai hơn. Lúc đó đại phu nhân ý vào tài nghệ của con nên sanh kiêu ngạo, thường không tuân theo lệnh vua nên vua thường có sắc buồn. Đại thần thấy vua không vui, hỏi rõ nguyên nhân rồi tâu: “nếu đã như vậy sao vua không cưới thêm một người nhu hòa đức hạnh, để đại phu nhân dần dần hòa thuận theo”, vua hỏi cưới ai, đáp: “cưới vương nữ bên nước lân

cận”, vua nói: “họ vốn có hiềm khích với nước ta thì làm sao hỏi cưới được?”, đại thần tâu: “xin vua yên tâm, để thần tìm cách làm thân với họ”. Sau đó đại thần đến gặp vua nước lân cận xin cầu hôn cho vua nước mình, vua nước kia nói: “nếu muốn tính việc hôn nhân thì phải giao ước trước: nếu con gái ta sanh con trai thì phải lập làm tự quân (nối ngôi vua) thì ta mới gả”, đại thần liền đáp: “sẽ làm theo ý vua”, vua nước kia nói: “khanh hãy trở về nước báo cho vua của khanh biết, nếu vua ấy chấp thuận lời giao ước này thì khanh hãy trở lại”, đại thần tâu: “việc lập Thái tử, thần đã hứa thì không dám hai lời”. Sau khi hỏi cưới được vương nữ về, vua với vương nữ rất tương đắc, một hôm vua hỏi: “nàng rất nhu hòa hiền thực, nàng cầu điều gì, ta sẽ ban cho”, đáp: “nếu thiếp sanh con trai thì xin vua lập làm tự quân”, vua nghe rồi ưu sầu không đáp ứng ngay, vua suy nghĩ: “nếu ta chấp thuận lời cầu xin này thì ta phải phế vương tử Túc ẩm thực, nhưng vương tử là người tài nghệ dũng kiện trung lương không ai hơn, làm sao phế được. Ta thật khó xử”. Lúc đó đại thần thấy vua có sắc buồn, hỏi rõ nguyên do rồi tâu: “trước đây khi thần qua nước đó cầu hôn cũng đã giao ước với vua nước đó về việc lập tự quân. Nay vua nên tạm thuận theo ý của nhị phu nhân, chưa biết nhị phu nhân có phải là thạch nữ hay không, cho dù có sanh con cũng chưa biết sẽ sanh trai hay gái, vua cứ tạm thuận theo”, vua nghe rồi liền nói với nhị phu nhân: “ta chịu theo ý nàng”. Sau đó không lâu, nhị phu nhân có thai, đủ ngày tháng sanh được một trai khôi ngô tuấn tú, sau hai mươi một ngày vua mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho đứa bé. Vua nói: “đứa bé này chưa sanh ra đã cầu vương vị nên đặt tên là Cầu vương”, sau đó vua giao hoàng tử cho tám bà nữ mẫu nuôi dưỡng, nhưng khi đến tuổi trưởng thành, vua vẫn chưa sách lập làm tự quân. Phụ vương của nhị phu nhân sợ vua bội tín nên sai sứ đến nhắc lại lời giao ước trước kia, nếu vua không giữ lời thì sẽ cất binh sang hỏi tội. Vua nghe rồi kinh sợ không biết tính sao nên ưu sầu, đại thần tâu: “đại vương, không còn cách nào khác, nên sách lập Cầu vương và phế bỏ vương tử Túc thực”, vua nói: “không nên nói việc phi pháp này, ta từng nghe con giết cha chứ chưa nghe cha giết con, việc bất nhân này ta không làm được”, đại thần tâu: “nếu không giết thì làm hại”, vua nói: “làm hại đâu có khác gì giết”, đại thần tâu: “nếu không như thế thì đuổi ra khỏi nước”, vua nói: “vương tử vô tội làm sao đuổi được”, đại thần tâu: “khi đại vương lập Cầu vương làm tự quân thì vương tử Túc thực tự biết xử trí như thế nào”. Vua nghe rồi liền chọn ngày tốt sách lập Cầu vương làm tự quân, vương tử Túc thực nghe biết rồi liền suy nghĩ: “phu

vương đã phế bỏ ta, nếu ta còn ở đây sẽ bị giết chết”, nghĩ rồi liền đến nói với mẹ: “con muốn đến nước Bán-già-la để bảo tồn tính mạng”, người mẹ nghe rồi đau lòng ôm con khóc rồi nói kệ:

*“Con thường nằm ngời giường nệm cao,
Y phục đã mặc đều đẹp đẽ,
Sao lại một mình qua nước khác,
Nằm đất, áo thô làm sao sống?
Trong cung ngủ thức thường an ổn,
Ngoài điện con thường du ngoạn khắp,
Làm sao chịu được khổ nóng lạnh,
Linh đình đói khát ở ngoài đồng?
Ở vương cung thường cỡi voi ngựa,
Cao lương mỹ vị tùy thời ăn,
Y phục thượng diệu ngăn nóng lạnh,
Sao lại vất bỏ đến nước khác?
Trong cung kỹ nhạc luôn hòa tấu,
Làm cho người nghe tâm thần vui,
Mọi người kính ngưỡng theo hầu hạ,
Nay con buồn, con muốn đi đâu?”*

Vương tử nói kệ đáp:

*“Ai hưởng an lạc mãi,
Ai chịu gian khổ mãi,
Ách nạn ai cũng có,
Thế thua phải tùy thuận.
Hết khổ sẽ được vui,
Như sao trên trời chuyển,
Hội họp sanh ưu khổ,
Thế pháp đều như thế”.*

Vương tử nói kệ xong liền từ biệt mẹ đi đến nước Bán-già-la, gần tới nước ấy vì đói khát nên vương tử dừng lại nghỉ ngơi dưới một gốc cây bên đường, nhìn bốn phía không biết tính sao, một lát sau liền ngủ quên. Lúc đó đại thần của nước Bán-già-la có việc đi ngang qua chỗ này, nhìn thấy tướng mạo của vương tử khác hơn người thường nên đứng nhìn hồi lâu, sau đó gọi dậy rồi hỏi là ai, đáp: “tôi tên Túc ẩm thực, vương tử nước Tỳ-đê-ê”, lại hỏi vì sao lại đến nơi đây, vương tử kể lại việc trên, đại thần nghe rồi liền đưa đến gặp vua tâu rằng: “đại vương, đây là vương tử của vua Thiện sanh tên là Túc ẩm thực, do cha lập con thứ bỏ con trưởng nên vương tử chạy đến đây”, vua nghe rồi liền hỏi

rõ mọi việc, trong lòng buồn vui lẫn lộn, an ủi vương tử rồi ban cho đất đai và gả con gái cho vương tử. Không bao lâu sau, họ sanh được một trai dung mạo khả ái, từ ngày được sanh ra, trong nước được mùa, thức ăn uống dễ được nên ai cũng khen ngợi. Sau hai mươi một ngày họ mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, thân tộc nói: “đứa bé này là dòng dõi của vương tử Túc thực, vừa sanh ra trong nước được mùa, thức ăn uống dễ được nên đặt tên cho bé là Đa túc thực”, vương tử giao bé cho tám bà nữ mẫu nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành tài nghệ song toàn. Sau đó vương tử Túc thực không may qua đời, người vợ thương nhớ nên đau buồn, vua thấy con gái đau buồn nên suy nghĩ: “bản tánh người nữ thường nghĩ đến chồng, nay ta nên cho vương nữ cải giá, gả cho đại thần và cho cháu đi theo”. vương nữ sau khi cải giá, được gả cho đại thần thì không còn đau buồn nữa. Gần nhà đại thần có một con gà ngủ trên cây, tướng sư thấy liền nói: “ai ăn thịt con gà này sẽ được làm vua”, đại thần nghe rồi liền bắt gà đem giết rồi bảo vợ: “nàng hãy làm thức ăn, đợi ta vào triều trở về sẽ ăn”. Khi vương nữ làm thức ăn với thịt gà này còn để trên bếp thì Đa túc thực từ trường trở về không thấy mẹ, vì đói bụng nên giở xem trong nồi đang nấu món gì, thấy có con gà liền chặt lấy cái đầu gà ăn đỡ đói; sau đó gặp mẹ mới nói là đã ăn cái đầu gà, vương nữ cho ăn thêm rồi bảo con đến trường. Sau đó đại thần từ trong triều trở về bảo dọn thức ăn lên, thấy con gà không có đầu liền hỏi nguyên do, vương nữ đáp là con đã ăn, đại thần suy nghĩ: “ăn hết thịt gà thì được làm vua hay là ăn một phần cũng được làm vua”, nghĩ rồi trong lòng sanh nghi nên tìm đến chỗ tướng sư hỏi cho rõ, tướng sư nói: “không cần ăn hết, chỉ ăn cái đầu thì được làm vua; nếu có người đã ăn cái đầu gà thì giết người ấy lấy đầu ăn cũng được làm vua”, đại thần nghe rồi suy nghĩ: “ta nên giết thằng bé để lấy đầu ăn, nhưng mẹ nó không biết thì thật khó làm. Ta nên hỏi ý mẹ nó trước”, nghĩ rồi liền nhân lúc cùng nói chuyện hỏi vợ: “giữa chồng và con, nàng muốn ai làm vua?”, vương nữ nghe rồi sanh nghi nên suy nghĩ: “nếu ta nói muốn con làm vua thì hẳn sẽ bỏ ta, ta nên nói thuận theo hẳn”, nghĩ rồi liền nói: “tất nhiên muốn chồng làm vua”. Vương nữ thông minh tài trí nên suy đoán: “đại thần vì cái đầu gà mà muốn giết con mình, ta phải đề phòng và tính kế trước chớ để con gặp nguy hiểm”, sau đó ở chỗ khuất bảo con rằng: “vì con ăn cái đầu gà nên đại thần muốn giết con, con hãy bỏ đi đến nước Tỳ-đê-ê, đó là quê hương tổ tông của con, quyến thuộc đều còn ở đó, nếu con đến đó, họ nhận ra con thì con sẽ được an lạc”, người con nghe rồi miễn cưỡng từ già mẹ ra đi, khi sắp đến nước Tỳ-đê-ê, vì

đổi nên nằm dưới một gốc cây ngủ. Lúc đó vua Cẩn vương bình nặng nên qua đời, theo quốc pháp nếu chưa lập vua mới thì không được đưa xe tang của vua đi. Vì vua không có con nên quần thần không biết lập ai, có người nói thấy một người tướng mạo khác thường nằm ngủ dưới một gốc cây, mặt trời tuy chếch bóng nhưng bóng cây không nghiêng để che mát cho người này, hẳn là bậc phi phạm đáng tôn làm vua. Quần thần nghe nói rồi liền đến chỗ thanh niên lay gọi thức dậy, thanh niên bị đánh thức liền hỏi vì sao, đáp là muốn tôn làm vua, thanh niên nói: “pháp tắc gọi vua dậy không phải như thế”, hỏi phải gọi như thế nào, đáp: “phải tấu âm nhạc từ từ làm cho thức dậy”, quần thần nghe rồi liền suy nghĩ: “người này không phải con nhà nghèo, hẳn là xuất thân từ nhà cao sang”, nghĩ rồi liền hỏi từ đâu đến là con của ai. Thanh niên này tuy tuổi vừa hai mươi nhưng thân tráng kiện như sư tử vương, giọng nói sang sảng, liền nói tổ tông của mình cho mọi người biết: “tiên vương của tôi là Thiện sanh, con của tiên vương hiệu là Túc ẩm thực, tôi là con của người”, quần thần nghe rồi vui mừng nói: “chúng ta gặp lại vua cũ”. Họ liền tổ chức nghi lễ với âm nhạc đầy đủ, người xe đông đảo đón rước vương tử vào thành làm lễ quán đảnh lên ngôi vua. Trước kia vương tử tên Đa túc thực, nay đổi lại là Toại ẩn, do tông tộc được hưng thịnh trở lại nên lấy hiệu là Trùng hưng, vì vua còn nhỏ tuổi nên các đại thần xem thường ít khi nghe theo lệnh vua. Những lúc rỗi rảnh vua ra khỏi thành du ngoạn, hỏi thăm dân chúng những phong ấp này thuộc quyền của ai, họ đều đáp là của đại thần. Vua suy nghĩ: “tất cả thành ấp đều thuộc sở hữu của các đại thần, ta tuy là vua cũng chỉ có cung điện và thức ăn uống hằng ngày, ngoài ra không có gì cả. Nếu họ làm trái quốc pháp thì ta biết tính sao đây”, lúc đó có một thiên thần ở trên hư không biết tâm niệm của vua nên nói: “vua không nên buồn, trong nước này có một thành tên là Mãn tài, trong thành có một người tên là Viên mãn, vợ của người này sẽ sanh con trai tên là Đại dực, sau khi Đại dực trưởng thành được lập làm đại thần sẽ giúp vua lo liệu mọi việc, tùy cơ chế đoán không ai là không phục, vua hãy an tâm”. Vua nghe rồi liền sai sứ đến thành Mãn tài tìm hiểu xem có ai tên Viên mãn hay không, nếu có thì vợ của người này có thai hay không. Sứ giả tuân lệnh vua đến thành kia tìm hiểu rồi trở về báo lại là thật có như thế, vua nghe rồi liền cho gọi Viên mãn đến, khéo dùng lời phủ dụ rồi ban cho thành Mãn tài làm phong ấp và nói: “vợ khanh có thai, hãy chăm sóc bảo hộ chớ để bị tổn thương”. Đủ ngày tháng, vợ của Viên mãn hạ sanh một bé trai, dung mạo đoan nghiêm không ai sánh được. Sau hai mươi một ngày họ

mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, người mẹ nói: “tôi vốn bị bệnh sỏi, tuy thầy thuốc đã cho uống nhiều loại thuốc nhưng vẫn không hết. Khi mang thai đứa con này, bệnh ấy bỗng không còn nữa nên đặt tên cho con là Đại dược”, liền nói kệ:

*“Ở trong các bệnh khổ,
Đại dược là tối thắng,
Đây là thuốc hay nhất,
Nên đặt tên Đại dược”.*

Thời gian sau, khi người cha công Đại dược đến ao để tắm, trên đường thấy xương cá cho là bảo châu nên dùng chân khều lên, Đại dược nói kệ:

*“Thấy xương cá dưới đất,
Tưởng bảo châu khều lên,
Việc mình không chịu làm,
Ráng tìm báu đánh rơi,
Xương cá của người vất,
Không phải là bảo châu,
Há có Tỳ sa môn,
Vất bảo châu ngoài đường?”.*

Khi đến ao, người cha để Đại dược ở trên bờ, cỡi y phục xuống nước, thấy có một con cò trắng đậu trên lá sen, muốn bắt cò nên tới gần, chim liền bay lên cao, Đại dược nói kệ:

*“Cò đậu trên lá sen,
Thấy cha liền bay cao,
Cha không nên đến gần,
Để bắt sinh mạng nó”.*

Hôm khác, người cha công Đại dược đến sông Căng già để tắm, người cha để con ở trên bờ, cỡi y phục xuống nước, thấy có cái bát bằng đồng từ phương Đông trôi xuống, con chim Bạch nga đậu ở trên. Người cha cho là điều quái lạ nên nhìn lên hỏi con, Đại dược nói kệ:

*“Căng già chảy từ Đông,
Bát đồng trôi theo dòng,
Bạch nga đậu ở trên,
Đâu phải vật gì lạ”.*

Hôm khác cũng như trên, người cha lại thấy có bình rửa lớn và cỏ nổi trôi theo dòng nước, cũng có chim đậu ở trên, Đại dược cũng nói kệ như trên.

Khi Đại dược vừa ở tuổi thiếu niên cùng các đồng tử du ngoạn,

chúng đồng lòng tôn Đại dượng làm vua, Đại dượng chọn người làm phụ tá cho mình, từ đó về sau, nhóm đồng tử này càng đông thêm. Lúc đó có một Bà-la-môn vừa cưới được một cô vợ trẻ, trên đường đi ngang qua một thôn, ông ghé vào một rừng thưa để tiểu tiện thì có một thanh niên đến chỗ người vợ hỏi: “ông ấy là cha hay là ông của cô?”, đáp: “không phải cha hay ông, mà là chồng tôi”, thanh niên nói: “cô không biết xấu hổ với bạn bè hay sao, trên đời có rất nhiều người nam tuấn tú, vì sao lại đi theo Bà-la-môn già ấy? Cô còn trẻ xinh đẹp, hãy bỏ lão ấy để làm vợ tôi, nếu lão ấy đến giành lại thì ở giữa đại chúng, cô nói tôi là chồng”, người vợ này chấp thuận đi theo thanh niên. Lúc đó Bà-la-môn trở lại tìm vợ không thấy nên lên chỗ cao nhìn khắp nơi, liền thấy hai người đang dắt tay nhau đi. Ông vội chạy theo, bắt kịp họ liền nắm lấy tay người vợ kéo lại, thanh niên kia cũng nắm tay kia giữ lại, Bà-la-môn nói: “người cướp vợ ta”, thanh niên nói: “tôi thề đây chính là vợ tôi, không phải vợ ông”, hai bên vừa lôi kéo vừa cãi cọ nhau, thanh niên khỏe hơn nên kéo được cô gái về phía mình, Bà-la-môn sợ mất vợ nên la to: “giặc cướp vợ tôi”. Đại dượng cùng các đồng tử đang vui chơi ngoài đồng, các đồng tử nghe tiếng kêu la này liền nói với Đại dượng: “anh đã xưng vương, nghe tiếng kêu la ắt là có việc phi lý, sao anh không cứu họ?”, Đại dượng bảo đồng tử phụ tá kêu ba người đó đến hỏi tranh cãi về việc gì, Bà-la-môn nói: “người này cướp vợ tôi”, thanh niên nói: “người này nói dối, đây chính là vợ tôi”, Đại dượng hỏi cô gái: “ai là chồng chị?”, cô gái chỉ thanh niên nói là chồng. Đại dượng thấy Bà-la-môn đấm ngực lộ vẻ đau buồn nên muốn kiểm tra hư thật, liền hỏi thanh niên: “anh dẫn vợ từ đâu đến đây?”, đáp là từ nhà vợ đến, lại hỏi đã ăn những gì, đáp là ăn cơm canh thịt và uống rượu, Đại dượng nói: “nếu vậy hãy cho tôi xem hư thật thế nào”, nói rồi liền đưa tay vào miệng thanh niên làm cho ói ra, chỉ thấy toàn nước miếng không thấy thức ăn. Đại dượng lại hỏi Bà-la-môn giống như trên đến câu đáp là ăn sữa chua, bánh và rau cải; Đại dượng lại bảo làm cho ói ra thì thấy đúng như lời đã nói, liền biết thanh niên nói dối liền cho đánh nhiều gậy rồi đào đất chôn đến tận cổ, lấy mực viết trên trán là cướp vợ; như thế lần lượt có đến năm trăm tên trộm bò dê cũng bị xử như thế.

Lúc đó vua Trùng hưng suy nghĩ: “các thành ấp trong nước đều thuộc của sáu đại thần, ta đang thế yếu phải làm sao đây”, bỗng nhớ tới Đại dượng liền không nói cho quần thần biết, tự dẫn quân đi đến thành Mãn tài để gặp Đại dượng. Khi đi ngang qua đồng trống nghe có tiếng kêu, nhìn khắp nơi không thấy có người, vua cho tả hữu đi tìm chung

quanh mới thấy có năm trăm người bị chôn sống, trên trán có ghi là giặc. Vua hỏi ai đã làm việc này, họ đáp: “chính là Đại dực làm đúng pháp, không phạt kẻ vô tội”, vua khen là tốt nhưng sanh tâm từ bi nên tha cho họ. Lúc đó dân chúng trong thành Mãn tài nghe vua sắp đến liền sắp bày những vật tốt lành, mang bình vàng đựng nước và cờ lọng tràng phang ra nghinh đón. Sau khi thăm hỏi xong vua bảo: “con của Viên mãn tên là Đại dực mau đến đây”, người cha tâu: “đồng tử hãy còn nhỏ”, vua bảo cứ gọi đến, người cha liền dẫn đến. Vua thấy đồng tử tướng mạo uy nghiêm, tuy có tài dũng lược nhưng tuổi còn nhỏ không thể giao phó việc nước được, nên giao lại cho người cha rồi kéo quân trở về cung. Sau đó vua suy nghĩ: “ta nên thử nghiệm tài trí mưu lược của Đại dực”, nghĩ rồi liền sai sứ đến bảo Viên mãn: “hãy dùng cát vàng bện thành sợi dây dài một trăm khuỷu tay rồi mang đến choa vua”, Viên mãn nghe lệnh vua rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi, suy nghĩ: “từ xưa đến nay ta chưa từng nghe việc bện cát thành dây như vậy”, Đại dực thấy cha lo buồn liền hỏi nguyên do rồi nói: “sứ giả ở đâu, cho con gặp để gửi lời về tâu lại vua”, người cha bảo sứ giả đến, Đại dực bảo sứ giả: “xin đại nhân tâu giúp tôi với vua rằng: tiểu thần quê mùa, ít thấy nghe lại không có trí mưu có thể đoán được ý trời, không biết vua cần loại dây màu gì. Ở đế đô có nhiều người tài giỏi, xin ban cho một đoạn làm mẫu rồi sẽ làm theo, không phải chỉ đoạn ngắn một trăm khuỷu tay mà dài đến ngàn tầm cũng sẽ làm xong”. Sứ giả trở về tâu lại vua, vua hỏi là lời của con hay của cha, đáp là của Đại dực, vua nghe rồi thán phục liền nhớ lại lời thiên thần nói, nếu lời này là sự thật thì có ngày Đại dực sẽ giúp ta làm bá vương. Sau đó vua lại sai sứ đến bảo Viên mãn nấu cơm đem đến với điều kiện là gạo không được giã trong cối, không được làm bể một hạt, không được nấu trong nhà hay ngoài trời, khi nấu không được nấu bằng lửa hay khác lửa; khi đem cơm đến không được đi trên đường hay lề đường, không đi bộ cũng không đi ngựa, không thấy được mặt trời cũng không phải chỗ râm mát; người mang cơm đến không phải là nam hay nữ. Viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi, Đại dực hỏi rõ nguyên do rồi nói: “cha không phải lo, con sẽ làm chu toàn”. Đại dực bảo đem lúa ra rồi tập hợp nhiều người lại dùng tay bóc vỏ trấu nên không làm gạo bị bể; khi có gạo rồi liền tìm chỗ nấu là ngay dưới hiên bên ngoài cửa, dùng ánh nắng gắt ở trên, bên cạnh đốt lửa để nấu cơm; sau khi cơm chín bảo người mang cơm khi đi một chân ở trên đường, một chân ở trên lề; đội bồn cơm trên đầu, ở trên phủ bằng một tấm vải thưa nên không thấy mặt trời cũng không

phải chỗ râm mát; một chân đi giày, một chân đi rần tức là không đi bộ cũng không đi ngựa; người mang cơm là người đã bị thiến nên không phải nam cũng không phải nữ. Vua thấy cơm được mang đến liền hỏi là do ai làm, đáp là Đại dực, vua kinh ngạc nói: “Đại dực quả có trí mưu, trí huệ lớn, hiểu thông pháp thức, thật là người có tài giúp vua”. Sau đó vua lại sai sứ giả đến bảo Viên mãn: “vua cần một khu vườn có đủ loại cây hoa trái và ao, hãy mau đem đến”, Viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi vì khu vườn làm sao di chuyển, đem đến cho vua được, Đại dực hỏi rõ nguyên do rồi nói: “cha không phải lo, để cho con lo liệu”, nói rồi liền bảo sứ giả: “lệnh vua ban ra nào dám không làm theo, nhưng vì xứ này vườn ao mang tính thôn dã, nếu mang đến kinh thành sợ có xúc phạm. Xin vua ban cho một khu vườn nhỏ để làm theo cách thức thì việc mới thành”, sứ giả về triều tâu lại, vua hỏi là lời của ai, đáp là của Đại dực, vua nghe rồi vừa kinh ngạc vừa bội phục cho là kỳ lạ. Sau đó vua lại sai sứ đưa đến năm trăm con bò đực giao cho Viên mãn nuôi để cung cấp sữa lạc lại cho vua, viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi vì bò đực làm sao có thể cung cấp sữa lạc được. Đại dực hỏi rõ nguyên do rồi nói: “xin cha chớ lo, con sẽ nghĩ cách khiến vua không đòi lấy sữa lạc nữa”, Đại dực liền bảo hai cha con của đồng tử phụ tá đến nói rằng: “hai cha con anh đi đến kinh thành rình chờ khi vua ra ngoài rồi ở một chỗ cách đó không xa, lấy một bát gỗ lớn độn vào bụng của cha, kéo quần lên cao che phủ lại. Cha anh nằm lặn lộn trên đất rên rỉ, còn anh thì lấy hương hoa cầu khẩn chư thiên gia hộ cho cha anh sanh được an ổn”. Hai cha con đồng tử liền đi đến kinh thành làm y theo lời Đại dực đã dặn, lúc đó vua cho gọi hai cha con lại hỏi rõ sự việc, người con nói: “cha tôi sắp sanh nhưng sanh không được nên kêu la, tôi cầu khẩn chư thiên gia hộ”, vua nghe rồi bật cười nói: “ta chưa từng nghe đàn ông sanh con”, người con nói: “đúng như lời vua nói đàn ông không thể sanh con, vì sao vua lại giao năm trăm bò đực cho Viên mãn nuôi để cung cấp sữa lạc, bò đực không thể sanh con thì làm sao có sữa lạc”, vua hỏi: “ai đã bày kế này?”, đáp là của Đại dực, vua nghe rồi rất thán phục trí mưu. Sau đó vua bảo sứ giả: “Đại dực nhiều trí ít người sánh bằng, nên dùng việc khác để thử nghiệm. Hãy đưa đến một con la cho Viên mãn nuôi giữ nhưng không được cột, không nhốt trong chuồng mà thả cho nó tự do, cũng không để nó bị đói”, Viên mãn nghe rồi vừa lo buồn vừa sợ hãi... như trên cho đến câu Đại dực nói cha đừng lo. Ban ngày Đại dực thả con la ra ngoài đồng cho nó tự do ăn cỏ, ban đêm lừa vào sân nhà, không cột dây rồi bảo hai mươi người luân

phiên coi giữ, mỗi phiên năm người luân phiên cỡi la để giữ. Sứ giả theo lệnh vua âm thầm theo dõi sự việc rồi về tâu lại, vua nghe rồi nói: “nếu như vậy thì con la không thể chạy thoát thì làm sao bắt tội”, đại thần nói: “nên ra lệnh cho người cỡi la vào đêm khuya, lúc mọi người đang ngủ cỡi la bỏ đi”, sứ giả làm theo lệnh vua. Sáng hôm sau những người coi giữ báo cho Viên mãn biết con la đã đi mất, Viên mãn nghe rồi hết sức sợ hãi, Đại dượng suy nghĩ: “việc chậm rãi thì mới nghĩ ra kế, còn gấp quá thì trong lòng cũng sợ hãi”, nghĩ rồi liền nói với cha: “con có một kế nhưng hơi khó làm, nếu cha chịu đựng được hổ nhục thì hy vọng thoát được tội”, người cha nói: “nếu được thoát chết thì cha sẽ chịu đựng”. Đại dượng liền cạo đầu người cha thành bầy đường rồi lấy màu sắc xanh vàng đỏ trắng bôi lên rồi cùng cha cỡi trên một con lừa đi đến kinh thành. Đến nơi rao to lên rằng: “Đại dượng đang cùng cha đi đến, cạo tóc người cha rồi trang sức thật kỳ dị”, đại thần nghe được việc này liền tâu vua, vua nói: “Đại dượng từ xa đến là tốt, nhưng làm nhục cha mình thì phạm vương pháp”, vua cùng mọi người ra ngoài thành xem hư thật thế nào, mới thấy việc đó là thật. Lúc đó đại thần tâu vua: “vua khen ngợi Đại dượng thông minh mưu trí hơn người, nhưng xem việc này thì thật là đê tiện”, vua hỏi Đại dượng: “vì sao người lại làm việc hủ nhục cha mình”, đáp: “đại vương, thần cho là vinh mà không cho là nhục, thần có nhiều trí huệ nên lấy việc này dâng cha”, vua hỏi: “trí của người và của cha, ai hơn?”, đáp là thần hơn, vua nói: “ta chưa nghe con hơn cha, con do cha sanh ra, nuôi dưỡng khó nhọc nên nói là cha hơn con”, Đại dượng tâu: “xin đại vương xét kỹ, cha với con thì ai hiền hơn?”, vua và đại thần đều nói là cha hơn, Đại dượng liền quỳ trước vua tâu: “trước đây vua sai coi giữ con la, không may nó đã chạy mất. Con lừa này là cha của con la, theo lý thì nó hơn con la, xin vua nhận lấy con lừa này và đừng trách phạt cha thần”, vua và đại thần nghe rồi đều tán phục là mưu kế hiếm có. Vua rất vui mừng liền phong Đại dượng làm đại thần, tất cả việc nước đều giao cho Đại dượng quyết đoán, xét rõ được nhiều việc nên xa gần đều tin tưởng, tiếng tăm ngày càng vang xa.

Có một Bà-la-môn thông suốt luận thư, vì cưới vợ nên chi dùng rất nhiều tiền, sau đó ông suy nghĩ: “ta vì cưới vợ chi phí quá nhiều nên tiền tài trong nhà không còn, sắp bị nghèo túng, phải làm sao đây”, nghĩ rồi liền đi đến phương khác làm nghề huyền thuật, kiếm được năm trăm tiền vàng mang về. Khi về gần tới làng liền suy nghĩ: “vợ ta xinh đẹp lại xa nhau đã lâu, trong nhà không có ta thì mặc tình muốn làm gì thì làm, không biết tâm nó có đáng tin hay không, vì vậy ta không nên mang số

vàng này về nhà”, nghĩ rồi ông liền đợi đến hoàng hôn, vào trong rừng đến bên gốc cây đa căn đào lỗ chôn cất vàng rồi mới về nhà. Trong thời gian ông vắng nhà, người vợ đã cùng người ngoài tên là Thiện thính tư thông; đêm đó sau khi họ cùng ăn tối xong vừa định đi ngủ thì nghe tiếng gõ cửa, người vợ hỏi là ai, Bà-la-môn đáp xong, người vợ vội bảo Thiện thính trốn dưới gầm giường rồi ra mở cửa, giả bộ vui mừng hỏi thăm rồi dọn lên thức ăn còn dư cho Bà-la-môn ăn. Bà-la-môn vừa ăn vừa suy nghĩ: “người vợ này há đã cùng người ngoài tư thông hay sao mà ban đêm lại có sẵn thức ăn ngon như thế này”, nghĩ rồi liền hỏi vợ: “hiên thủ, hôm nay không phải ngày tốt cũng không phải lễ hội, vì sao lại có các món ăn ngon như thế này?”, đáp: “đêm qua nằm mộng thấy thiên thần mách bảo là chàng sắp về, nên thiếp làm sẵn các món ăn đợi chàng”, người chồng nói: “ta thật có phúc, sắp về đến nhà liền có thiên thần mách bảo”. Sau khi ăn uống xong, khi cùng lên giường nằm, người vợ liền hỏi: “chàng bỏ em đi xa nhiều năm như vậy có kiếm được tiền hay không?”, đáp là cũng được chút ít, người vợ liền dùng ám ngữ báo cho Thiện thính ở dưới gầm giường nên lắng nghe kỹ rồi hỏi chồng: “chàng kiếm được bao nhiêu?”, đáp là được năm trăm tiền vàng, lại hỏi đã để ở đâu, đáp: “hãy yên tâm sáng mai sẽ đem về”, người vợ nói: “thiếp và chàng đã là một thể, vì sao còn giấu không nói cho biết”, đáp là để ở ngoài thành, người vợ lại dùng ám ngữ bảo Thiện thính lắng nghe chỗ giấu vàng rồi hỏi chồng: “chàng cất ở đâu?”, đáp là ở trong rừng dưới gốc cây đa căn, người vợ nói: “chàng đi đường đã mệt nhọc, hãy ngủ đi”. Sau khi biết chồng đã ngủ say, người vợ bảo Thiện thính: “chàng đã nghe biết chỗ cất vàng, vậy thì hãy làm cho mau”, Thiện thính liền chui ra khỏi gầm giường đi đến trong rừng dưới gốc cây đa căn đào lấy hết vàng mang về nhà mình. Sáng hôm sau, Bà-la-môn đến chỗ cất giấu vàng thì thấy vàng không cánh mà bay đâu mất, ông liền đấm ngực khóc lớn rồi thiếu não trở về. Thân thuộc và người quen thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: “uẩn khúc này người khác khó biết được, ông nên đến hỏi Đại dượng, vị ấy có trí huệ hơn người có thể giúp ông tìm lại số vàng đã mất. Ngoài cách này ra không còn cách nào khác”, Bà-la-môn liền đến chỗ Đại dượng, chào hỏi rồi đem việc trên kể lại, Đại dượng hỏi: “việc cất giấu vàng ông có nói cho ai biết không?”, Bà-la-môn kể lại việc đêm qua, Đại dượng nghe rồi biết chắc người vợ đã tư thông với người ngoài rồi làm việc trái đạo này, liền an ủi Bà-la-môn: “ông hãy tạm nhẫn nại, đừng lo buồn, tôi sẽ giúp ông tìm lại vật đã mất”, lại hỏi: “nhà ông có nuôi chó không?”, đáp là có, Đại dượng

nói: “ông hãy về bảo vợ: trước kia tôi có nguyện trước tượng Đại tự tại thiên là nếu bình an trở về thì sẽ thỉnh tám Bà-la-môn về nhà cúng dường. Nàng hãy thỉnh giúp tôi bốn vị, còn tôi thỉnh bốn. Khi tám người ấy đến nhà, ông để cho sứ giả của tôi đứng ở cửa xem xét những người này”, Đại dượng lại bảo sứ giả: “người hãy xem xét kỹ tám Bà-la-môn đến nhà, người nào bị chó sủa, người nào không bị mà còn được con chó vẫy đuôi chạy tới thì hãy ghi nhớ kỹ người này. Khi người vợ tự tay dọn đưa thức ăn lên, người hãy xem xét đến chỗ người nào thì cô ta liếc mắt mỉm cười”. Bà-la-môn và sứ giả làm y như lời Đại dượng đã dặn, khi tám người được thỉnh vào nhà thì bảy người đều bị chó sủa, chỉ có một người là Thiện thính thì chó không sủa mà còn vẫy đuôi chạy tới; khi người vợ dọn đưa thức ăn đến chỗ Thiện thính thì liếc mắt mỉm cười, khác với những người khác. Khi sứ giả trở về thuật lại việc trên, Đại dượng liền búng tay nói: “chính người ấy là kẻ trộm vàng rồi”, nói rồi liền bảo sứ giả gọi Thiện thính đến trách rằng: “lẽ nào Bà-la-môn có pháp trộm vật của người lấy làm của mình hay sao, người nên trả lại cho họ”, Thiện thính nói: “tôi xin thề là không có lấy vật của người khác”, Đại dượng liền bảo sứ giả: “đây là kẻ ác, hãy đem nhốt vào trong ngục, theo vương pháp dùng hình phạt trị cho nó thật đau khổ”. Thiện thính nghe rồi sợ hãi liền nói: “xin đại thần cứu hộ, tôi sẽ trả lại”, nói rồi liền chỉ chỗ đã cất giấu vàng, số vàng vẫn còn nguyên. Bà-la-môn sau khi lấy lại được số vàng liền suy nghĩ: “ta nay đã già, vàng đã mất nay bỗng được lại đều là nhờ sức của Đại dượng, ta nên báo ân”, nghĩ rồi liền đưa một nửa số vàng cho Đại dượng để báo ân, Đại dượng nhận rồi đưa trở lại nói rằng: “tôi làm việc giúp người không phải vì cầu lợi riêng cho mình”. Lúc đó tiếng tốt lan xa, vua và quần thần cùng dân chúng đều nghe biết, nói rằng: “chúng ta có phước được người tài giỏi này bảo hộ nên không bị xâm phạm oan uổng”.

Có một người đi đến nước khác, sau đó trở về nước mình, khi đến bờ hồ ở ngoài thành dừng lại nghỉ ngơi, lấy lương khô trong túi ra ăn, đứng dậy đi tiểu mà quên cột miệng túi lại. Lúc đó có con rắn độc bò vào nằm khoanh trong túi, khi quay trở lại không nhìn kỹ liền cột miệng túi rồi xách đi. Khi tới cửa thành gặp một tướng sư, tướng sư nhìn anh ta rồi nói: “xem sắc diện của anh thì sắp chết đến nơi”, người này tuy nghe nhưng không để ý, đi được một đoạn liền hối hận là không hỏi kỹ, anh suy nghĩ: “ta nên đến hỏi Đại dượng rồi hãy về nhà, ông ấy có trí huệ sẽ giải thích cho ta”, nghĩ rồi liền đi đến chỗ Đại dượng thuật lại lời tướng sư nói. Đại dượng nghe rồi suy nghĩ: “hay là trong túi có rắn độc nên tướng

sư mới nói như thế”, nghĩ rồi liền bảo để cái túi xuống đất, Đại dược ở trước mọi người dùng cây gậy khều miệng túi ra, con rắn độc từ trong túi bò ra phồng mang phun độc rồi phóng mình đi mất, mọi người thấy việc này rồi đều khen ngợi là kỳ lạ.

